

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2024

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về tranh chấp: "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Trương Thị G, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Tôi và bà Trương Thị G đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào năm 2008, quá trình chung sống đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nghi ngờ vợ có mối quan hệ bên ngoài thường xuyên nhắn tin với người khác, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn bà Trương Thị G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 12/7/2009. Ông D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị G trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông D về quá trình kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn, tôi thừa nhận có nhắn tin với người khác, nhưng nguyên nhân do chồng tôi cũng có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nên tôi có buồn có nhắn tin với người khác, nhưng chỉ là bạn bè không phải quan hệ nam nữ như ông D trình bày. Nay do còn thương chồng nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn ông Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Có 01 con chung như ông D trình bày, con có nguyện vọng được ở với ai thì người đó nuôi.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn có địa chỉ tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D có yêu cầu ly hôn bà Trương Thị G với lý do bà G có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài thường xuyên nhắn tin qua lại, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D có yêu cầu ly hôn bà G; Phía bà G không đồng ý ly hôn với lý do giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn bà có nhắn tin cho bạn, nhưng chỉ nhắn tin qua lại, không có quan hệ nam nữ như ông D trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng không lớn, bà G mong muốn có cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, ông D, bà G cùng thống nhất trình bày, vợ chồng ông bà có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2008, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sau khi kết hôn sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2023 khi vợ chồng về xã L, huyện C sinh sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D nghi ngờ bà G có mối quan hệ bên ngoài nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa bà G cũng cho rằng ông D cũng có mối quan hệ với người khác bên ngoài, nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Bà G không đồng ý ly hôn, nhưng tại phiên tòa bà không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông D cũng kiên quyết yêu cầu ly hôn. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông D, bà G là trầm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cho ông D được ly hôn với bà G.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái A, sinh ngày 12/7/2009. Ông D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Phía bà G cũng có ý kiến con có nguyện vọng được sống với ai thì người đó chăm sóc nuôi dưỡng. Xét yêu cầu về con chung của ông D là có căn cứ, bởi yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của cháu A là muốn sống cùng ông D sau khi vợ chồng ông ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của ông D, giao cháu A cho ông D nuôi dưỡng, bà G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: hai bên thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 235, 266 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn D

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Trương Thị G.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái A, sinh ngày 12/7/2009 cho ông Nguyễn Văn D chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Trương Thị G được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản bà G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn Giàu phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002410 ngày 12/3/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã L, HCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa